

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN H  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 43/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17- 6 - 2022

V/v: “*Tranh chấp chia tài sản  
sau ly hôn, cấp dưỡng nuôi con*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Quốc Thành

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Phạm Thị Thanh Hương

2. Bà Đặng Thị Kim Tuyến

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huyền Chang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 142/2021/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2021 về việc tranh chấp “chia tài sản sau ly hôn, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 23/05/2022 và thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 03/TB-TA ngày 06/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị E, sinh năm: 1975, có mặt

Địa chỉ: Tổ 03, khu phố 05, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Bị đơn: Ông Lê Thanh L, sinh năm: 1974, có mặt

Địa chỉ : Tổ 03, khu phố 05, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Quá trình giải quyết vụ án, tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Trần Thị E trình bày:* Bà Trần Thị E và ông Lê Thanh L đã ly hôn theo bản án số 46/2021/HNGĐ-ST ngày 09/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước. Khi ly hôn phần tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận, nhưng hiện phần

tài chung bà E và ông L không thỏa thuận được. Quá trình chung sống bà Trần Thị E và ông Lê Thanh L cùng tạo lập một khối tài sản chung gồm có: 01 bộ bàn ghế gỗ có trị giá 100.000.000 đồng, 01 xe honda SHMode, 01 xe hoda Wawe, 01 xe đạp điện và các vật dụng trong nhà; 01 căn nhà cấp 3, 01 căn nhà cấp 4 và các công trình phụ gắn liền với thửa đất số 1403, tờ bản đồ số 23, diện tích 295,5m<sup>2</sup>, tọa lạc tại khu phố 5, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Quá trình giải quyết vụ án bà Trần Thị Eyêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi khối tài sản chung gồm có là 02 căn nhà, công trình phụ gắn liền với thửa đất số 1403, tờ bản đồ số 23, diện tích 295,5m<sup>2</sup>, tọa lạc tại khu phố 5, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Nay bà Trần Thị Eyêu cầu tòa án giải quyết được chia giá trị tài sản bằng hiện vật là toàn bộ tài sản chung 02 căn nhà, các công trình phụ gắn liền trên quyền sử dụng đất bà Trần Thị E tại thửa đất số 1403, tờ bản đồ số 23, diện tích 295,5m<sup>2</sup>, tọa lạc tại khu phố 5, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Bà Trần Thị E có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Lê Thanh L  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản chung được chia theo giá trị tài sản đã được Hội đồng định giá tài sản Tòa án nhân dân huyện H định giá. Bà Trần Thị Erút một phần yêu cầu chia tài sản chung gồm 01 bộ bàn ghế gỗ có trị giá 100.000.000 đồng, 01 xe honda SHMode, 01 xe hoda Wawe, 01 xe đạp điện và các vật dụng trong nhà.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Trần Thị E yêu cầu bị đơn ông Lê Thanh L cấp dưỡng nuôi con cháu Lê Hiền N, sinh ngày 05/5/2005 mỗi tháng 2.000.000 đồng. Cấp dưỡng nuôi con chung cháu Lê Hiền A, sinh ngày 09/10/2017 mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi các con chung trưởng thành tự lao động được.

*Quá trình giải quyết vụ án, tại bản tự khai, đơn phản tố bị đơn ông Lê Thanh L trình bày:* Ông Lê Thanh L và bà Trần Thị E trước đây là vợ chồng nhưng đã ly hôn theo bản án số 46/2021/HNGĐ-ST ngày 09/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước. Quá trình chung sống với ông giữa ông L với bà E tạo lập một khối tài sản chung gồm có: 02 căn nhà và các công trình phụ trên thửa đất 1403, tờ bản đồ số 23, diện tích 295,5m<sup>2</sup>, tọa lạc tại khu phố 5, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước và thửa đất số 1515, tờ bản đồ số 24, diện tích 392,2m<sup>2</sup> tọa lạc tại: khu phố 2, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước, hiện nay 02 thửa đất trên đứng tên quyền sử dụng đất của bà Trần Thị E. Ông Lê Thanh L cho rằng 02 thửa đất trên tuy đứng tên bà Trần Thị E nhưng là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ ký hôn nhân nên có yêu cầu phản tố yêu cầu Tòa án chia đôi khối tài sản trên mỗi người nhận một thửa đất. Ngày 27/4/2022 ông Lê Thanh L có đơn rút một phần yêu cầu phản tố đối với yêu cầu chia tài sản chung đối thửa đất số 1515, tờ bản đồ số 24, diện tích 392,2m<sup>2</sup> tọa lạc tại: khu phố 2, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước đứng tên bà Trần Thị E. Đối với phần cấp

dưỡng nuôi con chung: Tại bản tự khai, quá trình làm việc, và tại biên bản hòa giải ngày 10/01/2022 bị đơn Lê Thanh L đồng ý theo yêu cầu cấp dưỡng của nguyên đơn bà Trần Thị E

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Eyêu cầu tòa án giải quyết được chia giá trị tài sản bằng hiện vật là toàn bộ 02 căn nhà và công trình phụ gắn liền trên quyền sử dụng đất bà Trần Thị E tại thửa đất số 1403, tờ bản đồ số 23, diện tích 295,5m<sup>2</sup>, tọa lạc tại khu phố 5, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Bà Trần Thị E có nghĩa vụ trả lại cho ông Lê Thanh L ½ giá trị tài sản chung được chia theo giá trị tài sản đã được Hội đồng định giá tài sản Tòa án nhân dân huyện H định giá. Bị đơn ông Lê Thanh L rút toàn bộ yêu cầu phản tố chia tài sản sản chung là quyền sử dụng đất đối với bà Trần Thị E. Ông Lê Thanh L không đồng ý theo theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị E, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên phần tài sản 02 căn nhà và công trình liên quan gắn liền với thửa đất 1403, tờ bản đồ số 23, diện tích 295,5m<sup>2</sup>, tọa lạc tại khu phố 5, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước để ông L và các con cùng chung sống.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tại phiên tòa phát biểu:*

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị E: Giao tài sản là hiện vật gồm có 02 căn nhà và công trình gắn liền với thửa đất 1403, tờ bản đồ số 23, diện tích 295,5m<sup>2</sup>, tọa lạc tại khu phố 5, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước cho bà Trần Thị E. Bà Trần Thị E có nghĩa vụ thanh toán ½ trị giá tài sản chung theo kết quả định giá là 303.804.500 đồng cho ông Lê Thanh L

+ Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung 01 bộ bàn ghế gỗ có trị giá 100.000.000 đồng, 01 xe honda SH Mode, 01 xe hoda Wawe, 01 xe đạp điện và các vật dụng trong nhà của nguyên đơn bà Trần Thị E. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn đòi yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung đối thửa đất 1403, tờ bản đồ số 23, diện tích 295,5m<sup>2</sup>, tọa lạc tại khu phố 5, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước và thửa đất số 1515, tờ bản đồ số 24, diện tích 392,2m<sup>2</sup>, tọa lạc tại: khu phố 2, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước đứng tên quyền sử dụng đất bà Trần Thị E.

+ Ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự về việc Lê Thanh L đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung cháu Lê Hiền N, sinh ngày 05/5/2005 mỗi tháng 2.000.000

đồng. Cấp dưỡng nuôi con chung Lê Hiền A, sinh ngày 09/10/2017 mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà Trần Thị Ekhoi kiện yêu cầu chia tài sản chung, cấp dưỡng nuôi con chung với ông Lê Thanh L, cư trú Tổ 03, khu phố 05, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Tòa án xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình về tranh chấp chia tài sản sau ly hôn, cấp dưỡng nuôi con, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thông báo thay đổi lịch xét xử cho nguyên đơn, bị đơn.

[3] *Về nội dung vụ án:* Bà Trần Thị Evà ông Lê Thanh Lđã ly hôn theo bản án số 46/2021/HNGĐ-ST ngày 09/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước. Khi ly hôn vợ chồng tự thỏa về phần tài sản chung và phần cấp dưỡng nuôi con. Sau khi hôn bà Trần Thị Evà Lê Thanh Lkhông thỏa thuận được việc chia tài sản chung và cấp dưỡng nuôi con chung. Theo trình bày bà Trần Thị Equá trình chung sống với bà E với ông L tạo lập một khối tài sản chung gồm có: 02 căn nhà và công trình phụ gắn liền trên thửa đất 1403, tờ bản đồ số 23, diện tích 295,5m<sup>2</sup>, tọa lạc tại khu phố 5, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước đứng tên quyền sử dụng đất bà Trần Thị E; 01 bộ bàn ghế gỗ có trị giá 100.000.000 đồng, 01 xe honda SHMode, 01 xe hoda Wawe, 01 xe đạp điện và các vật dụng trong nhà. Nay bà Trần Thị Eyêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi khối tài sản chung gồm có 02 căn nhà và công trình phụ gắn liền với thửa đất số 1403, tờ bản đồ số 23, diện tích 295,5m<sup>2</sup>, tọa lạc tại khu phố 5, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Nguyên đơn Bà Trần Thị Eyêu cầu nhận tài sản chung bằng hiện vật là toàn bộ 02 căn nhà và công trình phụ gắn liền với đất và đồng ý trả cho ông Lê Thanh L½ trị giá tài sản chung theo kết quả định giá của Hội đồng định giá Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước, đồng thời bà E yêu cầu L cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng đến khi trưởng thành tự lao động được. ông Lê Thanh Lyêu cầu Tòa án giữ nguyên phần tài sản nhà và công trình liên quan gắn liền với thửa đất số 1403, tờ bản đồ số 23, diện tích 295,5m<sup>2</sup>, tọa lạc tại khu phố 5, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước để làm nơi ở cho ông L và các con.

[4] Xét yêu cầu khởi của nguyên đơn về việc yêu cầu nhận toàn bộ 02 căn nhà và công trình phụ gắn liền nằm trên thửa đất 1403, tờ bản đồ số 23, diện tích

295,5m<sup>2</sup>, tọa lạc tại khu phố 5, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước đồng thời trả cho bị đơn ông Lê Thanh L<sup>1/2</sup> giá trị tài sản chung là 02 căn nhà và công trình phụ gắn liền với thửa đất số 1403, tờ bản đồ số 23, diện tích 295,5m<sup>2</sup>, tọa lạc tại khu phố 5, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước, thấy rằng hiện nay toàn bộ 02 căn nhà và các công trình phụ gắn liền với đất nằm trên thửa đất 1403, tờ bản đồ số 23, diện tích 295,5m<sup>2</sup>, tọa lạc tại khu phố 5, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước do bà Trần Thị Edùng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn ông Lê Thanh L có đơn yêu cầu phản tố cho rằng đây là tài sản quyền sử dụng đất chung của ông L, bà E tạo lập trong thời kỳ hôn nhân và yêu cầu chia quyền sử dụng đất trên, tuy nhiên căn cứ vào giấy chứng quyền sử dụng đất, hồ sơ trích bản đồ địa chính, văn bản cam kết về tài sản, văn bản phân chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ bút lục 43 đến bút lục 81 có trong hồ sơ vụ án thể hiện thửa đất 1403, tờ bản đồ số 23, diện tích 295,5m<sup>2</sup>, tọa lạc tại khu phố 5, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước do bà Trần Thị Edùng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là tài sản riêng của bà Trần Thị E, ông Lê Thanh L không cung cấp chứng cứ chứng minh tài trên thuộc tài sản chung của ông L và bà E. Tại phiên tòa ông Lê Thanh L rút toàn bộ yêu cầu phản tố trên, đây là sự tự nguyện phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với căn 02 căn nhà và công trình phụ gắn liền với thửa đất 1403, tờ bản đồ số 23, diện tích 295,5m<sup>2</sup>, tọa lạc tại khu phố 5, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước bà Trần Thị E, ông Lê Thanh L đều xác định là tài sản chung sau ly hôn là phù hợp theo quy định khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự nên không cần phải chứng minh.

- Từ những phân tích trên xác định toàn bộ tài sản gồm: 01 căn nhà cấp 3 có diện tích 95m<sup>2</sup>, 01 Căn nhà cấp 4 có diện tích 73, 6m<sup>2</sup>, 01 sân bê tông có diện tích 50m<sup>2</sup>, 01 giếng đào là tài sản gắn liền với thửa đất 1403, tờ bản đồ số 23, diện tích 295,5m<sup>2</sup>, tọa lạc tại khu phố 5, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước cho bà Trần Thị Esở hữu, quản lý sử dụng là phù hợp thực tế, đồng thời tuyên buộc bà Trần Thị E có nghĩa vụ thanh toán cho bị đơn ông Lê Thanh L<sup>1/2</sup> giá trị tài sản chung trên. Tại biên bản định giá tài sản ngày 16/12/2021 của Hội đồng định giá Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước xác định toàn bộ tài sản trên có tổng trị giá 607.608.000 đồng. Như vậy bà Trần Thị E có nghĩa vụ thanh toán cho ông Lê Thanh L<sup>1/2</sup> trị tài sản chung bằng số tiền 303.804.000 đồng.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự về việc Lê Thanh L đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung Lê Hiền N, sinh ngày 05/5/2005 mỗi tháng 2.000.000 đồng. Cấp dưỡng nuôi con chung Lê Hiền A, sinh ngày 09/10/2017 mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

+ Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự cần tuyên Đình chỉ yêu

cầu của nguyên đơn bà Trần Thị Evề việc chia tài sản chung 01 bộ bàn ghế gỗ có trị giá 100.000.000 đồng, 01 xe honda SHMode, 01 xe hoda Wawe, 01 xe đạp điện và các vật dụng trong nhà. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn Lê Thanh Lđôi yêu cầu chia tài sản chung thửa đất số 1403, tờ bản đồ số 23, diện tích 295,5m<sup>2</sup>, tọa lạc tại khu phố 5, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước và thửa đất số 1515, tờ bản đồ số 24, diện tích 392,2m<sup>2</sup> tọa lạc tại: khu phố 2, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước đứng tên quyền sử dụng đất bà Trần Thị E.

[5] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Tại phiên tòa ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm: áp dụng điểm b khoản 5, điểm b khoản 6 Điều Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bà Trần Thị Ephải chịu 303.804.000 đồng x 5% = 15.190.200 đồng án phí sơ thẩm khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.250.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 023762 ngày 01/7/2021 của chi cục thi hành án huyện H, tỉnh Bình Phước, bà Trần Thị Ephải nộp tiền án phí gia ngạch còn lại 8.490.200 đồng. Ông Lê Thanh Lphải chịu 303.804.000 đồng x 5% = 15.190.200 đồng án phí dân sự có giá ngạch và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.750.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0013721 ngày 15/02/2022 của chi cục thi hành án huyện H, tỉnh Bình Phước, ông Lê Thanh Lphải nộp tiền án phí sơ thẩm có giá ngạch còn lại 6.290.200 đồng.

[7] Về chi phí tố tụng: Căn cứ khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự, bà Trần Thị Ephải chịu 2.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí tố tụng bà E đã nộp. Ông Lê Thanh Lphải chịu 6.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, khấu trừ vào tạm ứng chi phí tố tụng ông Lê Thanh Lđã nộp 4.000.000 đồng đã nộp, ông Lê Thanh Lcó nghĩa vụ trả 2.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản cho bà Trần Thị E.

Vì các lẽ nêu trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1, khoản 5 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 147, khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 158, khoản 2 Điều 244; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 33, 43, 47, 62, 63, 64, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm b khoản 5, điểm b khoản 6 Điều Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị E.

- Tuyên giao toàn bộ tài sản gồm có: 01 căn nhà cấp 3 có diện tích 95m<sup>2</sup>, 01 căn nhà cấp 4 có diện tích 73, 6m<sup>2</sup>, 01 sân bê tông có diện tích 50m<sup>2</sup>, 01 giếng đào là tài sản gắn liền với thửa đất 1403, tờ bản đồ số 23, diện tích 295,5m<sup>2</sup>, tọa lạc tại khu phố 5, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước cho bà Trần Thị E sở hữu, quản lý sử dụng.

- Buộc bà Trần Thị E có nghĩa vụ thanh toán cho ông Lê Thanh L 1/2 tài sản chung được chia trị giá 303.804.000đ (Ba trăm lẻ ba triệu tám trăm lẻ tư nghìn đồng)

2. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự về việc Lê Thanh L đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung Lê Hiền N, sinh ngày 05/5/2005 mỗi tháng 2.000.000 đồng. Cấp dưỡng nuôi con chung Lê Hiền A, sinh ngày 09/10/2017 mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

- Đình chỉ một phần của yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đối với yêu cầu chia tài sản chung 01 bộ bàn ghế gỗ có trị giá 100.000.000 đồng, 01 xe honda SHMode, 01 xe honda Wawe, 01 xe đạp điện và các vật dụng trong nhà của nguyên đơn bà Trần Thị E.

- Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn Lê Thanh L đối với yêu cầu chia tài sản chung quyền sử dụng đất đứng tên bà Trần Thị E đối với thửa đất 1403, tờ bản đồ số 23, diện tích 295,5m<sup>2</sup>, tọa lạc tại khu phố 5, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước và thửa đất số 1515, tờ bản đồ số 24, diện tích 392,2m<sup>2</sup> tọa lạc tại: khu phố 2, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị E phải chịu 15.190.200 đồng án phí sơ thẩm khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.250.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 023762 ngày 01/7/2021 của chi cục thi hành án huyện H, tỉnh Bình Phước, bà Trần Thị E phải nộp tiền án phí sơ thẩm còn lại 8.490.200đ (Tám triệu bốn trăm chín mươi nghìn hai trăm đồng). Ông Lê Thanh L phải chịu 15.190.200 đồng án phí dân sự có giá ngạch và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.750.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0013721 ngày 15/02/2022 của chi cục thi hành án huyện H, tỉnh Bình Phước, ông Lê Thanh L phải nộp tiền án phí sơ thẩm còn lại 6.290.200đ (Sáu triệu hai trăm chín mươi nghìn hai trăm đồng)

4. Về chi phí tố tụng: Bà Trần Thị E phải chịu 2.000.000đ (Hai triệu đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí tố tụng bà E đã nộp. Ông Lê Thanh L phải chịu 6.000.000 đồng chi

phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, khấu trừ vào tạm ứng chi phí tố tụng ông Lê Thanh L4.000.000 đồng đã nộp, ông Lê Thanh L có nghĩa vụ hoàn trả 2.000.000đ (Hai triệu đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản cho bà Trần Thị E.

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến thi hành xong tất cả các khoản tiền. Hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Dương Quốc Thành**